

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2025 (Đợt 1)**

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 6 Chương II của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh về giao dự toán điều chỉnh chi ngân sách nhà nước năm 2024, tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 05/TTr-BDT ngày 26/02/2025, Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Công văn số 56/SDTTG-CSĐT ngày 18/3/2025, Công văn số 101/SDTTG ngày 27/3/2025; ý kiến của các Thành viên UBND tỉnh,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2025 (đợt 1), cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (viết tắt là Chương trình) năm 2025 (đợt 1) cụ thể:

- Giải quyết đất ở cho 01 hộ; nhà ở cho 43 hộ (Xây dựng mới nhà ở là 32 hộ và sửa chữa nhà ở là 11 hộ); Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 12 hộ; Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 10 hộ; Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung 06 công trình.

- Phấn đấu 100% thôn có đường giao thông đến trung tâm được cứng hóa; đầu tư hoàn chỉnh một số công trình cơ sở hạ tầng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (viết tắt là DTTS&MN).

- Hỗ trợ phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Trên 95% phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ, hỗ trợ y tế, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào DTTS.

- Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông bán trú vùng đồng bào DTTS&MN; Đào tạo nghề cho khoảng 200 người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 100 hộ đồng bào DTTS và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ cơ sở, cộng đồng dân cư.

- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; Xây dựng các mô hình văn hóa truyền thống; các câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại thôn, ấp vùng DTTS&MN; Hỗ trợ đội văn nghệ được thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao các thôn, ấp; Hỗ trợ trang thiết bị cho Nhà văn hóa - Khu thể thao tại các thôn, ấp; Xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn, ấp vùng đồng bào DTTS&MN; Phục dựng Lễ hội tiêu biểu thuộc vùng đồng bào DTTS&MN; Thực hiện đầu tư bảo tồn thôn, ấp... truyền thống tiêu biểu của các DTTS gắn với phát triển du lịch; ...

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

Chương trình được thực hiện trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh; Trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn), xã an toàn khu thuộc vùng đồng bào DTTS&MN.

2. Đối tượng thụ hưởng

- Xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hộ gia đình, cá nhân người DTTS; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

3. Định mức thực hiện

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Quyết định số 4/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1, Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc và các văn bản có liên quan theo quy định của Chương trình.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện đảm bảo tỷ lệ đối ứng tối thiểu theo quy định tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 6 Chương II của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh.

III. NỘI DUNG CÁC DỰ ÁN

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất (chuyển đổi nghề), nước sinh hoạt

a) Đối tượng thụ hưởng: Theo quy định tại điểm b, khoản 1, mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Nội dung, định mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ đất ở cho 01 hộ; định mức hỗ trợ 46 triệu đồng/hộ; gồm: Ngân sách Trung ương nguồn vốn đầu tư phát triển (ĐTPT) 40 triệu đồng, vốn đối ứng 15% ngân sách tỉnh, huyện: 06 triệu đồng).

- Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 43 hộ; bao gồm:

+ Hỗ trợ xây dựng nhà ở mới cho 32 hộ; định mức hỗ trợ 86 triệu đồng/hộ; gồm: Ngân sách Trung ương, nguồn vốn ĐTPT 40 triệu đồng, vốn đối ứng 15% ngân sách tỉnh, huyện: 06 triệu đồng và đề nghị Quỹ vì người nghèo của tỉnh hỗ trợ lồng ghép thêm 40 triệu đồng.

+ Hỗ trợ sửa nhà ở cho 11 hộ; định mức hỗ trợ 43 triệu đồng/hộ; bao gồm: Ngân sách Trung ương, nguồn vốn ĐTPT 20 triệu đồng, vốn đối ứng 15% ngân sách tỉnh, huyện: 03 triệu đồng và đề nghị Quỹ vì người nghèo của tỉnh hỗ trợ lồng ghép thêm 20 triệu đồng.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 12 hộ (mỗi hộ được hỗ trợ 01 lần); định mức hỗ trợ 11,5 triệu đồng/hộ; gồm: Ngân sách Trung ương nguồn vốn sự nghiệp (SN) 10 triệu đồng, vốn đối ứng 15% ngân sách tỉnh, huyện: 1,5 triệu đồng.

- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 10 hộ; định mức hỗ trợ 3,5 triệu đồng/hộ; gồm: Ngân sách Trung ương nguồn vốn SN 03 triệu đồng, vốn đối ứng 15% ngân sách tỉnh, huyện 0,5 triệu đồng.

- Hỗ trợ công trình giếng nước tập trung: Hỗ trợ xây dựng 06 công trình nước sinh hoạt tập trung theo quy định đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân. Ngân sách Trung ương hỗ trợ bình quân 3.000 triệu đồng/công trình; vốn đối ứng 15% ngân sách tỉnh, huyện 450 triệu đồng.

c) Tổng nguồn vốn phân bổ: 21.659 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 19.690 triệu đồng (vốn ĐTPT 19.540 triệu đồng; vốn SN 150 triệu đồng).

- Ngân sách tỉnh đối ứng: 1.969 triệu đồng (vốn ĐTPT 1.954 triệu đồng; vốn SN 15 triệu đồng).

Đề nghị Quỹ vì người nghèo của tỉnh hỗ trợ lồng ghép: 1.500 triệu đồng; gồm: Hỗ trợ xây dựng nhà ở mới cho 32 hộ, định mức hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ; Hỗ trợ sửa nhà ở cho 11 hộ, định mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ;

2. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc (Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN)

a) Đối tượng thụ hưởng: Theo quy định tại điểm a, khoản 4, mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Nội dung hỗ trợ:

Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên đối với các xã, thôn đặc biệt khó khăn: Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn.

c) Tổng nguồn vốn phân bổ: 8.685 triệu đồng, vốn SN; gồm: Ngân sách Trung ương 7.895 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng 790 triệu đồng.

3. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Đối tượng thụ hưởng: Theo quy định tại điểm a, điểm c, khoản 5, mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Nội dung thực hiện hỗ trợ:

- **Tiểu dự án 1:** Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS.

- **Tiểu dự án 3:** Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm người lao động vùng DTTS&MN.

c) Tổng nguồn vốn phân bổ: 1.628 triệu đồng, vốn SN; gồm: Ngân sách Trung ương 1.480 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng 148 triệu đồng).

4. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch

a) Đối tượng thụ hưởng: Theo quy định tại khoản 6, mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Nội dung hỗ trợ thực hiện:

- Bảo tồn thôn, ấp truyền thống tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.

- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số.

- Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN, vùng di dân tái định cư.

- Hỗ trợ cho đội văn nghệ được thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hỗ trợ trang thiết bị cho nhà văn hóa, thể thao tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

- Xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

c) Tổng nguồn vốn phân bổ: 5.609 triệu đồng, vốn SN; gồm: Ngân sách Trung ương 5.099 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng 510 triệu đồng).

5. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Đối tượng thụ hưởng: Theo quy định tại khoản 7, mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Nội dung hỗ trợ thực hiện:

- Thực hiện xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN.
- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS&MN.
- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS.

c) Tổng nguồn vốn phân bổ: 407 triệu đồng, vốn SN; gồm: Ngân sách Trung ương 370 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng 37 triệu đồng.

6. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Đối tượng thụ hưởng: Theo quy định tại khoản 8, mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Nội dung hỗ trợ thực hiện:

- Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng thôn (ấp), chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng...

c) Tổng nguồn vốn phân bổ: 550 triệu đồng, vốn SN; gồm: Ngân sách Trung ương 500 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng 50 triệu đồng.

7. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Đối tượng thụ hưởng: Theo quy định tại điểm b, khoản 9, mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Nội dung hỗ trợ thực hiện:

Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN

c) Tổng nguồn vốn phân bổ: 638 triệu đồng, vốn SN; gồm: Ngân sách Trung ương 580 triệu đồng; ngân sách tỉnh đối ứng 58 triệu đồng.

8. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Đối tượng thụ hưởng: Theo quy định tại điểm a, điểm c, khoản 10, mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Nội dung hỗ trợ thực hiện:

- Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình

+ Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của già làng tiêu biểu, người có uy tín

+ Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS: Tuyên truyền, vận động nhân dân vùng DTTS&MN, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình; Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vùng đồng bào DTTS (tổ chức hội nghị, phát hành tài liệu...)

- Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình: Tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp.

c) Tổng nguồn vốn phân bổ: 1.480 triệu đồng, vốn SN; gồm: Ngân sách Trung ương 1.345 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng 135 triệu đồng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kế hoạch nguồn vốn thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh năm 2025 (đợt 1) là 40.655 triệu đồng; gồm:

- Ngân sách Trung ương 36.959 triệu đồng (vốn ĐTPT 19.540 triệu đồng; vốn SN 17.419 triệu đồng);

- Ngân sách tỉnh đối ứng 3.696 triệu đồng (vốn ĐTPT 1.954 triệu đồng; vốn SN 1.742 triệu đồng).

- Nguồn vốn thực hiện:

+ Vốn đầu tư phát triển: Theo Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025.

+ Vốn sự nghiệp: Nguồn vốn năm 2024 chưa phân bổ chuyển sang thực hiện kế hoạch năm 2025 theo Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán điều chỉnh chi ngân sách nhà nước năm 2024.

2. Vốn hỗ trợ lồng ghép từ Quỹ vì người nghèo của tỉnh: 1.500 triệu đồng.

(Kèm theo 02 biểu dự toán kinh phí và danh mục chi tiết)

V. GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến, đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu của Chương trình sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư và người DTTS nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người DTTS, nhất là hộ nghèo, cận nghèo đồng bào DTTS.

2. Từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách tỉnh, huyện đối ứng và huy động, lồng ghép nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định; Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm DTTS khó khăn nhất. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

4. Lồng ghép việc thực hiện các chính sách nói chung và các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh.

5. Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

6. Thành viên của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh là lãnh đạo các sở, ngành và Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và tình hình thực tế tại địa phương xây dựng kế hoạch, phối hợp, tổ chức triển khai nhiệm vụ của Kế hoạch đạt mục tiêu đề ra.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, các chủ đầu tư chương trình, dự án thực hiện các trình tự, thủ tục (kể cả chủ trương) theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo: Chủ trì, tổng hợp, phối hợp với các đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã tham mưu, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo Kế hoạch, cụ thể:

- Chủ trì, hướng dẫn thực hiện Dự án 1; Nội dung số 01 Tiểu dự án 1, Dự án 4; Dự án 9; Nội dung số 01 và Nội dung số 02 Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 3 Dự án 10 theo Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022; Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 và Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và phương án phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình năm 2025 gửi Sở Tài chính phối hợp tham mưu UBND tỉnh phân bổ kế hoạch nguồn vốn theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện Chương trình chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp với các chương trình, dự án khác và các hoạt động thường xuyên của các sở, ngành, địa phương bảo đảm hiệu quả thực hiện Chương trình.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn bổ sung cho Chương trình theo chủ trương đã được phê duyệt, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì xây dựng, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu của Chương trình năm 2025.

- Chủ trì tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan định kỳ, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính:

- Tham mưu UBND tỉnh lồng ghép các chỉ tiêu Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm giai đoạn 2021-2025 và năm 2025.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện chương trình; thực hiện thẩm định, quyết toán nguồn vốn theo quy định hiện hành”. Tổng hợp báo cáo kinh phí thực hiện chương trình theo quy định

4. Cho nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo việc thực hiện Nghị định số 28/2022/NQ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chính sách tín dụng định kỳ gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp chung kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

5. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu, hướng dẫn thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án 7 theo Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án 7 Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu, hướng dẫn, báo cáo kết quả thực hiện Dự án 6 theo Công văn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình.

7. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu hướng dẫn, báo cáo kết quả thực hiện Dự án 8 theo Kế hoạch số 1218/KH-ĐCT ngày 08/3/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu hướng dẫn, tổ chức thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 3 Dự án 5; phối hợp với UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

9. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh, Trường Cao đẳng Bình Phước: Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 3 Dự án 5 theo Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

10. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 Dự án 10 theo Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình.

11. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Tham gia thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện nội dung, nhiệm vụ các dự án thành phần của Chương trình theo các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và các văn bản liên quan theo quy định.

- Rà soát, phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Dự án gửi cơ quan chủ trì và các cơ quan liên quan theo quy định.

- Tổ chức triển khai; giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo định kỳ, đột xuất.

- Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng ngành, UBND cấp xã trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Căn cứ quy định và hướng dẫn hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện, thị xã theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh năm 2025 (đợt 1); yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã xây dựng Kế hoạch chi tiết và chủ động triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả theo quy định. Quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- BCĐ TW các Chương trình MTQG (b/c);
- Ủy ban Dân tộc;
- Văn phòng điều phối CT 1719 - UBĐT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT. UBMTTQVN tỉnh;
- Các thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- LM HTX tỉnh, Trường Cao đẳng BP;
- BQL Vườn Quốc gia BGM;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng, TT PV HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-11).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Tuyết Minh